TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ G
TỈNH B

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số: 124/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20/12/2022
Về việc tranh chấp xin ly hôn.

.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Phai**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thành Nhạn**
Bà **Cao Thị Mỹ Phượng**
- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Trần Thị Đèo –** Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G tham gia phiên tòa*: Bà **Nguyễn Mộng Đẹp –** Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 507/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp "Xin ly hôn và nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị R**, sinh năm 1971
+ Địa chỉ: ấp Bình Hổ, xã V, huyện P, tỉnh B.
(Có đơn xin xét xử vắng mặt).
- Bị đơn: Ông **Phan Tấn T**, sinh năm 1978
+ Địa chỉ: ấp 21, xã P, thị xã G, tỉnh B. *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai bà Nguyễn Thị R trình bày:

Bà Nguyễn Thị R và ông Phan Tấn T chung sống vợ chồng với nhau vào năm 1998, có tổ chức lễ cưới trên tinh thần tự nguyện, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cuộc sống vợ chồng ban đầu rất hòa hợp, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, đến nay vợ chồng phát sinh nhiều vấn đề mâu thuẫn bất đồng về quan điểm sống, gia đình hàn gắn không thành. Nay bà Nguyễn Thị R yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau đối với bị đơn ông Phan Tấn T:

Về hôn nhân: yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với ông Phan Tấn T.

Về con chung: có hai người con chung tên Phan Khả My, sinh ngày 17/6/1998 và Phan Tấn Hưng, sinh ngày 29/11/2002, hiện tại đã trưởng thành nên không đặt ra.

Về T sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phan Tấn T trình bày:

Ông T đồng ý theo phần trình bày của bà Nguyễn Thị R, vợ chồng chung sống với nhau năm 1998, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà R, ông T có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Ông Phan Tấn T đồng ý theo yêu cầu ly hôn của bà R.

Về con chung: có hai người con chung tên Phan Khả My, sinh ngày 17/6/1998 và Phan Tấn Hưng, sinh ngày 29/11/2002, hiện tại đã trưởng thành nên không đặt ra.

Về T sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu tranh luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Tại phiên Tòa, nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 228, 238 của Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu HĐXX tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị R và ông Phan Tấn T. Về con chung: Đã trưởng thành nên không đặt ra. Về T sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không đặt ra.

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, T liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án có đủ căn cứ nhận định:

[1] Về tố tụng: Đối với nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 và 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà Lê Thị R và ông Phan Tấn T là phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Vào năm 1998, bà Nguyễn Thị R và ông Phan Tấn T tự nguyện sống chung vợ chồng với nhau, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký

kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống bất đồng quan điểm sống, có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng có nhiều lần cự cải, gia đình có nhiều lần hàn gắn nhưng không được, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, không ai có thiện chí hàn gắn hôn nhân, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được

Hội đồng xét xử xét thấy, về quan hệ hôn nhân bà R và ông T chung sống vợ chồng với nhau vào năm 1998, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, vì vậy hôn nhân giữa bà R và ông T là hôn nhân không hợp pháp nên không được pháp luật công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1, Điều 9; Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội.

[2.2] Về con chung: Đã trưởng thành nên không đặt ra

[2.3] Về T sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị R phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 4, Điều 147 ; Điều 228; Điều 238 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng các khoản 1, Điều 9; Điều 14; Điều 51; Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 của Quốc hội.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27; tiểu mục 1.1, mục 1 phần II danh mục án phí Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị R và ông Phan Tấn T.

2. Về quan hệ con chung: Đã trưởng thành nên không đặt ra.

3. Về quan hệ T sản và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Bà Lê Thị R phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà R đã dự nộp 300.000đ tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004551 ngày 29/11/2022, tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã G sẽ được chuyển thu án phí.

Án sử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự vắng mặt biết thời hạn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt bản án hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND Tỉnh B;
-VKSND cùng cấp;
-Chi cục THADS cùng cấp;
-Đương sự;
-UBND xã P;
-Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Phai

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND Tỉnh B;
-VKSND cùng cấp;
-Chi cục THADS cùng cấp;
-Đương sự;
-UBND xã Phong Thạnh;
-Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Phai

Án sử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự vắng mặt biết thời hạn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt bản án hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **CHỦ TỌA**